

**BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP HÀNG NĂM NĂM 2024**

**(Ngày 18 tháng 01 năm 2024 )**

**I. THÔNG TIN CHUNG**

1. Người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: Phạm Thu Hiền. Ngày tháng năm sinh: Sinh ngày 26/03/1973.

- Chức vụ/chức danh công tác: Hiệu trưởng

- Cơ quan/đơn vị công tác: Trường Tiểu học Nghi Ân

- Nơi thường trú: Khối Xuân Tiến, Phường Hưng Dũng, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân<sup>(3)</sup>: 182272969. Ngày cấp 10/04/2013.

Nơi Cấp: Công an Tỉnh Nghệ An.

2. Vợ hoặc chồng của người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: Nguyễn Tân Cảnh. Sinh ngày 20/5/1973

- Nghề nghiệp: Kỹ thuật viên

- Nơi làm việc: Trường Thực hành Sư phạm Đại học Vinh

- Nơi thường trú: Khối Xuân Tiến, Phường Hưng Dũng, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân: 181819672. Ngày cấp 22/10/2002.

Nơi Cấp: Công an Tỉnh Nghệ An.

3. Con chưa thành niên (con đẻ, con nuôi theo quy định của pháp luật)

3.1. Con thứ nhất:

3.2. Con thứ hai (trở lên): Kê khai tương tự như con thứ nhất.

**II. THÔNG TIN MÔ TẢ VỀ TÀI SẢN<sup>(5)</sup>**

1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất<sup>(6)</sup>:

1.1. Đất ở<sup>(7)</sup>:

1.1.1. Thừa thứ nhất:

- Địa chỉ<sup>(8)</sup>: Địa chỉ: Khối Xuân Tiến, Phường Hưng Dũng, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An  
Diện tích<sup>(9)</sup>: 519 m<sup>2</sup>

- Giá trị<sup>(10)</sup>: 1 000 000 000 đồng

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng<sup>(11)</sup>: CU199707

- Thông tin khác (nếu có)<sup>(12)</sup>: Không

1.1.2. Thừa thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như thừa thứ nhất.

1.2. Các loại đất khác<sup>(13)</sup>:

1.2.1. Thừa thứ nhất:

- Loại đất:..... Địa chỉ: .....

- Diện tích: .....

- Giá trị<sup>(10)</sup>: .....

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng: .....

- Thông tin khác (nếu có): .....

1.2.2. Thừa thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như thừa thứ nhất.

2. Nhà ở, công trình xây dựng:

2.1. Nhà ở:

2.1.1. Nhà thứ nhất:

- Địa chỉ: Khối Xuân Tiên, Phường Hưng Dũng, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An
- Loại nhà<sup>(14)</sup>: Cấp 4.
- Diện tích sử dụng <sup>(15)</sup>: 200m<sup>2</sup>
- Giá trị<sup>(10)</sup>: 600 000 000 đồng
- Giấy chứng nhận quyền sở hữu: CU199707
- Thông tin khác (nếu có): Không

2.1.2. Nhà thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như nhà thứ nhất.

2.2. Công trình xây dựng khác<sup>(16)</sup>:

2.2.1. Công trình thứ nhất:

- Tên công trình: Ki ốt cho thuê trọ. Địa chỉ: Khối Xuân Tiên, Phường Hưng Dũng, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An
- Loại công trình: Công trình dân dụng. Cấp công trình: Nhà cấp IV
- Diện tích: 100 m<sup>2</sup>
- Giá trị <sup>(10)</sup>: 200 000 000 đồng
- Giấy chứng nhận quyền sở hữu: CU199707
- Thông tin khác (nếu có): .....

2.2.2. Công trình thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như công trình thứ nhất.

3. Tài sản khác gắn liền với đất<sup>(17)</sup>:

3.1. Cây lâu năm<sup>(18)</sup>:

- Loại cây:..... Số lượng:..... Giá trị<sup>(10)</sup>: .....
- Loại cây:..... Số lượng:..... Giá trị<sup>(10)</sup>: .....

3.2. Rừng sản xuất<sup>(19)</sup>:

- Loại rừng:..... Diện tích:..... Giá trị<sup>(10)</sup>: .....
- Loại rừng:..... Diện tích:..... Giá trị<sup>(10)</sup>: .....

3.3. Vật kiến trúc khác gắn liền với đất:

- Tên gọi:..... Số lượng:..... Giá trị<sup>(10)</sup>: .....
- Tên gọi:..... Số lượng:..... Giá trị<sup>(10)</sup>: .....

4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên<sup>(20)</sup>.

5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên<sup>(21)</sup>.

6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại):

6.1. Cổ phiếu:

- Tên cổ phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị: .....

- Tên cổ phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị: .....

6.2. Trái phiếu:

- Tên trái phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị: .....

- Tên trái phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị: .....

6.3. Vốn góp<sup>(22)</sup>:

- Hình thức góp vốn:..... Giá trị:.....

- Hình thức góp vốn:..... Giá trị:.....

6.4. Các loại giấy tờ có giá khác<sup>(23)</sup>:

- Tên giấy tờ có giá: ..... Giá trị:.....

- Tên giấy tờ có giá:..... Giá trị:.....

7. Tài sản khác mà mỗi tài sản có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên, bao gồm:

7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...)<sup>(24)</sup>:

- Tên tài sản: Ô tô. Số đăng ký: 37A-672.80. Giá trị: 370 000 000 đồng

- Tên tài sản:..... Số đăng ký:..... Giá trị: .....

7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh, ảnh, các loại tài sản khác)<sup>(25)</sup>:

- Tên tài sản:..... Năm bắt đầu sở hữu:..... Giá trị: .....

- Tên tài sản:..... Năm bắt đầu sở hữu:..... Giá trị: .....

8. Tài sản ở nước ngoài<sup>(26)</sup>.

9. Tài khoản ở nước ngoài<sup>(27)</sup>:

- Tên chủ tài khoản: ....., số tài khoản: .....

- Tên ngân hàng, chi nhánh ngân hàng, tổ chức nơi mở tài khoản: .....

10. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai<sup>(28)</sup>:

- Tổng thu nhập của người kê khai: 155 000 000 đồng/năm

- Tổng thu nhập của vợ (hoặc chồng):70 000 000 đồng/năm

- Tổng thu nhập của con chưa thành niên: 0

- Tổng các khoản thu nhập chung: 315 000 000 đồng/năm

**III. BIẾN ĐỘNG TÀI SẢN, THU NHẬP; GIẢI TRÌNH NGUỒN GỐC CỦA TÀI SẢN, THU NHẬP TĂNG THÊM<sup>(29)</sup> (nếu là kê khai tài sản, thu nhập lần đầu thì không phải kê khai Mục này): .....**

Loại tài sản, thu nhập	Tăng <sup>(30)</sup> /giảm <sup>(31)</sup>		Nội dung giải trình nguồn gốc của tài sản tăng thêm và tổng thu nhập
	Số lượng tài sản	Giá trị tài sản, thu nhập	
1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất			
1.1. Đất ở			
1.2. Các loại đất khác			
2. Nhà ở, công trình xây dựng			
2.1. Nhà ở			
2.2. Công trình xây dựng khác			

<p>3. Tài sản khác gắn liền với đất</p> <p>3.1. Cây lâu năm, rừng sản xuất</p> <p>3.2. Vật kiến trúc gắn liền với đất</p> <p>4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên</p> <p>5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên.</p> <p>6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại):</p> <p>6.1. Cổ phiếu</p> <p>6.2. Trái phiếu</p> <p>6.3. Vốn góp</p> <p>6.4. Các loại giấy tờ có giá khác</p> <p>7. Tài sản khác có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên:</p> <p>7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...).</p> <p>7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh ảnh, các loại tài sản khác).</p> <p>8. Tài sản ở nước ngoài.</p> <p>9. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai<sup>(32)</sup>.</p>	<p>+ 05 ki ốt</p>	<p>90 000 000 đồng</p>	<p>05 ki ốt cho thuê trọ, mỗi tháng 7500000 đồng x 12 tháng = 90 000 000 đồng/năm</p>
---	-------------------	----------------------------	---

..... ngày.....tháng.....năm.....

**NGƯỜI NHẬN BẢN KÊ KHAI**  
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ/chức danh)

Vinh, ngày 18 tháng 01 năm 2024

**NGƯỜI KÊ KHAI TÀI SẢN**  
(Ký, ghi rõ họ tên)



**Phạm Thu Hiền**